

NGHIÊN CỨU NHỆN (ARANEAE) Ở CÔNG VIÊN VÀ VƯỜN HOA KHU VỰC HÀ NỘI

Phạm Đình Sắc¹, Nguyễn Thị Thắm², Nguyễn Thị Yên^{2*}

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, ²Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhện ở các công viên và vườn hoa khu vực nội đô Hà Nội đã được tiến hành năm 2015. Các điểm được lựa chọn để nghiên cứu bao gồm: công viên Thống Nhất, công viên Nghĩa Đô, công viên Hàng Đậu, vườn hoa Paster và hàng cây dọc đường Hoàng Quốc Việt.

Tổng số 447 cá thể nhện, 57 loài của 10 họ nhện đã được thu thập và ghi nhận; trong đó có 46 loài (240 cá thể) ghi nhận ở công viên Thống Nhất, 34 loài (189 cá thể) ở công viên Nghĩa Đô, 1 loài (5 cá thể) ở công viên Hàng Đậu, 1 loài (3 cá thể) ở vườn hoa Paster, 3 loài (10 cá thể) ở hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt.

Kết quả chỉ ra rằng sự quần tụ của nhện khác nhau rõ rệt giữa những điểm đa dạng về nơi sống với những điểm có nơi sống bị thu hẹp.

Từ khóa: nhện (*Araneae*), vườn hoa công viên, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

Bộ nhện (*Araneae*) là một trong những nhóm động vật chân khớp cổ có tính đa dạng sinh học cao, phân bố rộng khắp và phổ biến nhất. Nhện được tìm thấy ở mọi nơi: trong nhà, trong rừng, vườn cây, trên cánh đồng lúa, công viên, bụi cây, ven sông, ven suối,... Nhện không chỉ đa dạng về số loài mà còn chiếm ưu thế về mặt số lượng trong quần thể các nhóm chân khớp.

Khu hệ nhện Việt Nam được đánh giá là có mức đa dạng sinh học cao, nhưng chưa được tập trung nghiên cứu. Đặc biệt, nghiên cứu về nhện ở khu vực Hà Nội từ trước đến nay còn rất ít, tản mạn. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm đưa ra những dẫn liệu mới về đa dạng thành phần loài và đặc điểm phân bố của chúng trong các vườn hoa và công viên của khu vực nội đô Hà Nội, góp phần khôi phục, bảo vệ tính đa dạng sinh học trong các thị xã, thành phố đang và sẽ được quy hoạch, mở rộng và phát triển.

NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Nhện được thu thập qua 2 đợt điều tra trong năm 2015, tại một số vườn hoa và công viên khu vực nội đô của Hà Nội, bao gồm: công viên Thống Nhất, công viên Nghĩa Đô vườn

hoa Hàng Đậu, vườn hoa Paster, hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt.

Thu nhện hoạt động trên mặt đất: theo phương pháp của Curtis (1980) với 2 phương pháp bao gồm phương pháp bẫy hổ và phương pháp rây. Phương pháp bẫy hổ: sử dụng các ly nhựa (kích thước 8 x 12 cm) chôn ngập xuống đất sao cho bề mặt cốc bằng với mặt đất, trong cốc cho 100 ml dung dịch hỗn hợp cồn 70⁰ và 5% Formalin. Các ly nhựa đặt cách nhau 2 mét. Phương pháp rây: thu gom rác trên mặt đất cho vào rây rồi lắc, nhện sẽ rơi từ rác xuống, dùng panh mềm hoặc bút lông để bắt nhện. Kết hợp với phương pháp quan sát và thu bắt nhện bằng tay.

Mẫu nhện thu thập tại điểm nghiên cứu bảo quản trong cồn 70%, được định loại và lưu trữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Định loại nhện theo các tài liệu Zabka (1985); Davies (1986); Chen và Gao (1990); Barrion và Litsinger (1995); Song và cộng sự (1997, 1999, 2004); Yin và cộng sự (1997); Zhu và cộng sự (1998, 2003).... Chỉ các mẫu nhện trưởng thành được sử dụng để định loại.

Kết quả và thảo luận

Chúng tôi đã điều tra và xác định được 57 loài nhện (bảng 1) thuộc 10 họ. Họ có số loài nhiều nhất là họ nhện nhảy Salticidae (18

* Tel: 0962 633659

loài, chiếm 28,98 %), tiếp đến là họ nhện bụng tròn chằng lưới Araneidae (15 loài, chiếm 23,18 %). Hai họ nhện này chiếm ưu thế về số lượng loài tại điểm nghiên cứu. Họ nhện hàm dài Tetragnathidae có 8 loài chiếm 11,59%. Họ nhện sói Lycosidae có 6 loài chiếm 8,7 %. Họ nhện cang cua Thomcidae có 5 loài chiếm 7,25 %. Họ nhện cuốn tổ

Clubionidae, họ nhện lùn Linyphiidae và họ nhện linh miêu Oxyopidae, mỗi họ có 3 loài chiếm 4,35 %. Bốn họ có số loài ít, mỗi họ có 1 hoặc 2 loài bao gồm họ nhện lưới phễu nhỏ Hexathelidae, họ nhện cuốn tổ Clubionidae, họ nhện linh miêu Oxyopidae, và họ Therididae.

Bảng 1. Thành phần và số lượng cá thể các loài nhện bắt gặp tại điểm nghiên cứu

STT	Tên khoa học	Số lượng cá thể nhện thu được và bắt gặp ở các điểm nghiên cứu					Tổng số
		Công viên Thống Nhất	Công viên Nghĩa Đô	Vườn hoa Hàng Đậu	Vườn hoa Paster	Hàng cây đơn	
1. Họ Araneidae						84	
1	<i>Araneus inustus</i> (C.L. Koch)	12	4	-	-	-	16
2	<i>Argiope bruennichi</i> (Scopli)	2	1	-	-	-	3
3	<i>Argiope minuta</i> Karsch	4	1	-	-	-	5
4	<i>Argiope catenulata</i> Doleschall)	1	-	-	-	-	1
5	<i>Cyclosa bifida</i> (Doleschall)	1	-	-	-	-	1
6	<i>Cyclosa insulana</i> (Costa)	1	1	-	-	-	2
7	<i>Cyrtophora muluccensis</i> (Doleschall)	18	11	-	-	-	29
8	<i>Eriovixia laglaizei</i> (Simon)	-	2	-	-	-	2
9	<i>Hypsosinga alboria</i> Yin et al.	1	-	-	-	-	1
10	<i>Hypsosinga pygmaea</i> (Sundevall)	2	-	-	-	-	2
11	<i>Hypsosinga sanguinea</i> (C.L.Koch)	1	-	-	-	-	1
12	<i>Gea subarmata</i> Thorell	-	1	-	-	-	1
13	<i>Gasteracantha diadestia</i> Thorell	6	-	-	-	-	6
14	<i>Gasteracantha kuhli</i> C.L. Koch	8	2	-	-	-	10
15	<i>Neoscona theisi</i> (Walckenaer)	4	-	-	-	-	4
2. Họ Clubionidae						7	
16	<i>Cheracanthium catindigae</i> Barrion & Litsinger	1	4	-	-	-	5
17	<i>Clubiona japonicon</i> Boesenber & Strand	2	-	-	-	-	2
3. Họ Hexathelidae						19	
18	<i>Macrothele holsti</i> Pocock	13	6	-	-	-	19
4. Họ Linyphiidae						10	
19	<i>Atypena adelinae</i> Barrion & Litsinger	2	6	-	-	-	8
20	<i>Ummeliata inseciceps</i> (Boesenber & Strand)	2	-	-	-	-	2
5. Họ Lycosidae						80	
21	<i>Pardosa birmanica</i> Simon	-	2	-	-	-	2

22	<i>Pardosa pseudoanulata</i> (Boesenberg & Strand)	37	24	5	3	4	73
23	<i>Pardosa sumatrana</i> (Thorell)	1	2	-	-	-	3
24	<i>Pirata blabakensis</i> Barrion & Litsinger	1	-	-	-	-	1
25	<i>Pirata suppiraticus</i> Boesenberg et Strand	1	-	-	-	-	1
6. Họ Oxyopidae							30
26	<i>Oxyopes lineatipes</i> (C.L. Koch)	6	4	-	-	3	13
27	<i>Oxyopes javanus</i> Thorell	11	6	-	-	-	17
7. Họ Salticidae							187
28	<i>Bianor hotingchiehi</i> Schenkel	8	4	-	-	-	12
29	<i>Burmattus sinicus</i> Proszynski	4	-	-	-	-	4
30	<i>Carrhotus sannio</i> (Thorell)	1	-	-	-	-	1
31	<i>Epeus glorius</i> Zabka	4	-	-	-	-	4
32	<i>Evarcha flavocincta</i> (C.L. Koch)	1	1	-	-	-	2
33	<i>Epocilla cancarata</i> (Karsch)	10	7	-	-	-	17
34	<i>Harmochirus brachiatus</i> (Thorell)	1	-	-	-	-	1
35	<i>Hasarius adansoni</i> (Savigny & Audouin)	-	1	-	-	-	1
36	<i>Marpissa magister</i> (Karsch)	-	2	-	-	-	2
37	<i>Myrmaracha legon</i> Wanless	1	-	-	-	-	1
38	<i>Phintella versicolor</i> (C.L. Koch)	41	73	-	-	3	117
39	<i>Phintella lucai</i> Barrion & Litsinger	2	-	-	-	-	2
40	<i>Phintella vittata</i> (C.L. Koch)	-	4	-	-	-	4
41	<i>Plexippus paykulli</i> (Savigny & Audouin)	1	9	-	-	-	10
42	<i>Plexippus petersi</i> (Karsch)	2	-	-	-	-	2
43	<i>Plexippus setipes</i> Karsch	-	1	-	-	-	1
44	<i>Telamonia festiva</i> Thorell	1	-	-	-	-	1
45	<i>Thiania bhamoensis</i> Thorell	4	1	-	-	-	5
8. Họ Tetragnathidae							17
46	<i>Dyschiriognatha tenara</i> Karsch	2	-	-	-	-	2
47	<i>Tetragnatha mandibulata</i> Walckenaer	1	-	-	-	-	1
48	<i>Tetragnatha maxillosa</i> Thorell	7	1	-	-	-	8
49	<i>Tetragnatha nitents</i> (Audouin)	-	1	-	-	-	1
50	<i>Tetragnatha javana</i> (Thorell)	2	2	-	-	-	4
51	<i>Tetragnatha virescens</i> Okuma	-	1	-	-	-	1
9. Họ Therididae							6
52	<i>Coleosoma blandum</i> Cambridge	4	1	-	-	-	5
53	<i>Theridium octomaculatum</i> Boesenberg et Strand	1	-	-	-	-	1
10. Họ Thomcidae							7
54	<i>Runcinia acuninata</i> (Thorell)	-	1	-	-	-	1

55	<i>Misumenoides matini</i> Barrion & Litsinger	1	1	-	-	-	2
56	<i>Thomisus italongus</i> Barrion & Litsinger	-	1	-	-	-	1
57	<i>Xysticus palawanicus</i> Barrion & Litsinger	3	-	-	-	-	3
Tổng số cá thể (loài)		240 (46)	189 (34)	5	(1)	3	(1) 10 (3) 447 (57)

Kết quả bảng 1 cho thấy: số lượng loài nhện đã ghi nhận được rất cao ở công viên Thống Nhất (46 loài) và công viên Nghĩa Đô (34 loài), trong khi đó số lượng loài rất thấp ở các điểm khác: vườn hoa hàng đậu (1 loài), vườn hoa Paster (1 loài), hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt (3 loài).

Cũng như số lượng loài, nhện thu được số lượng cá thể lớn ở công viên Thống Nhất (240 cá thể) và công viên Nghĩa Đô (189 cá thể), trong khi đó số lượng cá thể rất thấp ở các điểm còn lại: vườn hoa hàng đậu (5 cá thể), vườn hoa Paster (3 cá thể), hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt (10 cá thể).

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: điều kiện nơi sống có ảnh hưởng rõ rệt đến sự quần tụ của nhện. Sự giàu có cả về số loài và số lượng cá thể thu được tại công viên Thống Nhất và công viên Nghĩa Đô cho thấy hai điểm này là thích hợp cho sự phát sinh, phát triển của các loài nhện. Với diện tích rộng, đa dạng về nơi sống đảm bảo cho nhện có nơi trú ngụ khi gặp điều kiện bất thuận. Bên cạnh đó, nguồn tài nguyên thực vật phong phú tại các công viên này kéo theo sự phong phú về nguồn thức ăn, bảo đảm sự tồn tại và phát triển của nhện. Mặc dù công viên là nơi bị tác động mạnh bởi yếu tố con người, nhện là những loài động vật nhanh nhẹn, sẵn sàng lẫn trốn và trú ngụ ở những nơi an toàn, nếu diện tích đủ cho sự di chuyển của chúng.

Sự thu hẹp nơi sống của các điểm còn lại bao gồm vườn hoa Hàng Đậu, vườn hoa Paster, và hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt hoàn toàn không có lợi cho sự tồn tại của các loài nhện. Các loài nhện gần như không thể hoạt động được ở các khu vực này. Chỉ 1 loài được tìm thấy tại vườn hoa Hàng Đậu và

vườn hoa Paster, và 3 loài tìm thấy ở hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt. Loài nhện sói *Pardosa pseudoanulata* được tìm thấy ở các điểm này cũng là loài phổ biến tại các điểm khác. Loài nhện sói này không chỉ phổ biến ở khu vực nghiên cứu mà còn phân bố rộng khắp trên toàn quốc. Như vậy, loài nhện sói này có tính thích nghi cao, thì mới có thể tồn tại được tại các điểm mà nơi sống bị thu hẹp như vườn hoa Hàng Đậu, vườn hoa Paster, hay hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt.

KẾT LUẬN

Tại khu vực nội đô Hà Nội đã ghi nhận được 57 loài thuộc 10 họ nhện, trong đó công viên Thống Nhất (46 loài), công viên Nghĩa Đô (34 loài), vườn hoa Hàng Đậu (1 loài), vườn hoa Paster (1 loài), hàng cây đơn dọc đường Hoàng Quốc Việt (3 loài).

Nơi sống ảnh hưởng rõ rệt tới sự quần tụ của nhện. Nhện quần tụ ở những khu vực đa dạng về nơi sống. Sự thu hẹp nơi sống hoàn toàn không có lợi cho sự tồn tại của các loài nhện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barrion A.T. and Litsinger J.A., 1995. Riceland Spiders of South and Southeast Asia. CAB International, 716 pp.
2. Chen X. and Gao J., 1990. The Sichuan farmland spider in China. Publishing house Chengdu China. 226 pp
3. Davies, V.T., 1986. Australian Spider (Araneae). Honorary Associate Queensland Museum, 37 pp.
4. Song D.X., Zhu M.S., Chen J., 1999. The Spiders of China. Hebei Science and Technology Publishing House, 640 pp.
5. Song D.X., Zhang J.X. and Li D.Q., 2002. A checklist of Spiders from Singapore (Arachnida: Araneae). The Raffles Bulletin of Zoology, 50(2), 359-388.

6. Song D.X., Zhu M.S., 1997. Fauna sinica: Arachnida: Araneae: Thomidae, Philodromidae. Science Press, Beijing, China, 259 pp.
7. Song D.X., Zhu M.S., Zhang F., 2004. Fauna sinica: Arachnida: Araneae: Gnaphosidae. Science Press, Beijing, China, 362 pp.
8. Yin C.M., Wang J.P., Xie L.P., Peng X.J., 1997. Fauna sinica: Arachnida: Araneae: Araneidae. Science Press, Beijing, China, 460 pp.
9. Zhu M.S., 1998. Fauna sinica: Arachnida: Araneae: Therididae. Science Press, Beijing, China, 436 pp.
10. Zabka M., 1985. Systematic and zoogeographic study on the family Salticidae (Araneae) from Vietnam. Annales zoologici. Polska Akademia Nauk, 196-485
11. Zhu M.S., Song D.X., Zhang J.X., 2003. Fauna sinica: Arachnida: Araneae: Tetragnathidae. Science Press, Beijing, China, 402 pp.

SUMMARY

STUDY ON SPIDERS (ARANEAE) IN THE PARKS AND GARDENS OF HANOI

Phạm Đình Sắc², Nguyễn Thị Yên^{1*}, Nguyễn Thị Tham¹¹College of Sciences - TNU²Institute of Ecology and Biological Resources, VAST

Study on spiders in the parks and gardens of Hanoi were undertaken in 2015. The locations have been chosen include Thongnhat park, Nghiado park, Paster park, Hangdau park, and a line of trees along Hoangquocviet road. The locations that diversity on habitat are: Thongnhat park and Nghiado park. The rest locations that habitat has been narrowed due to the activities of human.

A total of 447 individuals that belong to 10 families and 57 species were collected, among them, 46 species (240 adults) from Thongnhat park, 34 species (189 adults) from Nghiado park, 1 species (5 adults) from Hangdau park, 1 species (3 adults) from Paster park, and 3 species (10 adults) from a line of trees along Hoangquocviet road.

The results showed that the assemblages of spider was significantly different between locations that diversity on habitat and locations that habitat has been narrowed.

Keywords: spider (*Araneae*), park, Hanoi

Ngày nhận bài: 27/4/2015; Ngày phản biện: 16/5/2015; Ngày duyệt đăng: 29/01/2016

Phân biên khoa học: TS. Đào Duy Trinh – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

* Tel: 0962633659